



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Gia Long	Ủy viên Hội đồng quản trị
Bà Chu Thị Minh Nguyệt	Ủy viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Hương	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3409/2013/BCSX- IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 08 năm 2013, từ trang 5 đến trang 24.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa thực hiện ghi tăng nguyên giá của Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Tổ 5, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và tại Thửa đất số 89, Tờ bản đồ số 28, Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội với số tiền là 5,5 tỷ đồng mà đang theo dõi trên Tài khoản Trả trước cho nhà cung cấp. Theo đó, khoản mục Bất động sản đầu tư bị ghi thấp hơn thực tế và khoản mục Trả trước cho người bán bị phản ánh cao hơn thực tế với số tiền tương đương.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường cần phải trích bổ sung là 2.566.349.769 đồng. Do đó, Chi phí tài chính bị ghi thiếu và Lợi nhuận trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty bị ghi nhận thừa với số tiền tương ứng.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kết quả công tác soát xét này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các Thư xác nhận công nợ Phải thu khác và Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty. Tỷ lệ công nợ được xác nhận của khoản mục Phải thu khác và Trả trước cho người bán lần lượt là 20% và 32%. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thay thế, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ra nhận xét về các khoản mục công nợ Phải thu khác và Trả trước cho người bán được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.





Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
GCNĐKHNKT số 0748-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Nam Cường
Kiểm toán viên
GCNĐKHNKT số 1950-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.058.852.589	50.068.553.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.709.148.439	37.892.701.727
1. Tiền	111		743.940.439	2.139.065.950
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.965.208.000	35.753.635.777
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.877.774.600	1.274.408.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.985.655.600	6.315.783.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(5.107.881.000)	(5.041.375.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.065.197.263	6.621.117.370
1. Phải thu khách hàng	131		66.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		7.496.748.000	8.356.280.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	8.182.523.163	5.221.516.570
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.680.073.900)	(6.956.679.200)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.406.732.287	4.280.326.149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		133.314.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		502.341.022	462.401.984
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39.411.765	39.411.765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		731.665.500	3.778.512.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.484.013.302	24.744.971.595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	251.628.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	251.628.000
II. Tài sản cố định	220		5.597.459.480	5.764.389.182
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	3.603.489.032	3.770.418.734
- Nguyên giá	222		4.199.110.542	4.338.606.646
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.621.510)	(568.187.912)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.4	1.993.970.448	1.993.970.448
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.635.722.741	18.635.722.741
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6	5.265.000.000	5.265.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	14.100.000.000	14.100.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.8	(729.277.259)	(729.277.259)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		250.831.081	93.231.672
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		250.831.081	93.231.672
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.542.865.891	74.813.525.041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.010.326.964	7.730.379.708
I. Nợ ngắn hạn	310		6.010.326.964	7.730.379.708
1. Phải trả người bán	312		-	300.000.000
2. Người mua trả tiền trước	313		5.100.000.000	5.100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	33.190.641	18.377.750
4. Phải trả người lao động	315		165.895.533	114.063.690
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	615.443.645	2.095.141.123
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		95.797.145	102.797.145
B. NGUỒN VỐN	400		66.532.538.927	67.083.145.333
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	66.532.538.927	67.083.145.333
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.951.500.000	8.951.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		376.008.914	336.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		488.656.419	488.656.419
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(550.606.406)	40.008.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.542.865.891	74.813.525.041



Trần Khắc Hùng
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2013

Đinh Thị Thùy Minh
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Thùy Minh
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	1.690.525.163	2.487.000.716
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	93.884.438	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.187.500	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.081.433.131	1.731.501.919
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(484.792.406)	755.498.797
11. Thu nhập khác	31	VI.3	60.000.000	69.967.781
12. Chi phí khác	32		125.814.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		(65.814.000)	69.967.781
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(550.606.406)	825.466.578
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	-	206.366.645
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(550.606.406)	619.099.933



[Signature]
Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2013

[Signature]
Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

[Signature]
Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
 (Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(2.752.161.129)	(712.749.833)
2. Tiền chi trả cho người lao động	3	(570.477.221)	(621.860.877)
3. Tiền chi trả lãi vay	4	(6.187.500)	-
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	3.113.802.660	6.522.925.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(500.890.679)	(899.345.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(715.913.869)	4.288.968.849
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.576.000.000)	(15.798.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(163.504.208.000)	(82.976.700.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	162.629.892.681	83.935.109.002
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.578.075.900	1.528.591.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(872.239.419)	2.471.202.534
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.500.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.500.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.595.400.000)	(125.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.595.400.000)	(125.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.183.553.288)	6.634.671.383
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.892.701.727	36.497.081.695
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.709.148.439	43.131.753.078



Trần Khắc Hùng
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 08 năm 2013

Đinh Thị Thùy Minh
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Thùy Minh
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 08 lần. Lần sửa đổi cuối cùng là ngày 12 tháng 06 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này, số vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Dịch vụ môi giới bất động sản;
- Dịch vụ định giá bất động sản;
- Dịch vụ sản giao dịch bất động sản;
- Sản xuất các chương trình điện ảnh, sân khấu, ca nhạc, phim quảng cáo (không bao gồm sản xuất phim);
- Thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, các đường dây tải điện, trạm biến áp 0,4 KV đến 35 KV, các công trình bưu điện bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị trong ngành truyền thông, viễn thông và công nghệ thông tin;
- Đại lý phát hành xuất bản phẩm;
- Dịch vụ truyền thông;
- Dịch vụ đào tạo công nghệ thông tin (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất, mua bán tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ giá trị gia tăng trị giá trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam;
- Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ loại hình vui chơi giải trí nhà nước cấm);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trữ thông tin, khai thác dữ liệu, cung cấp dữ liệu, xử lý dữ liệu (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Dịch vụ nghiên cứu thị trường;
- Dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng;
- Sản xuất, sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính;
- Sản xuất, sửa chữa và các dịch vụ tư vấn về phần mềm máy tính;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống, giải khát; kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Sản xuất và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết, đồ uống nước có ga và không có ga, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy nước;
- Quản lý và tổ chức thực hiện các dự án xây dựng công trình gồm: các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện, trạm biến áp từ 0.4KV đến 35KV và các công trình xây dựng khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, thuế, tài nguyên, kiểm toán);
- Lập dự án, thẩm tra dự án, lập hồ sơ mời thầu, thẩm tra hồ sơ mời thầu, tư vấn thầu các bước thuộc dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá trị hợp đồng trong xây dựng);
- Xây dựng các công trình dân dụng, Công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, cầu, cảng, sân bay, nhà xưởng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, khu du lịch sinh thái;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	123.038.260	964.833.500
Tiền gửi ngân hàng	620.902.179	1.174.232.450
Các khoản tương đương tiền (*)	33.965.208.000	35.753.635.777
Cộng	34.709.148.439	37.892.701.727

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	-	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hà Nội	-	4.370.200.000
Ngân hàng TMCP Đại Tín - CN Hà Nội	25.015.000.000	21.003.435.777
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Thanh Xuân	8.545.208.000	8.380.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	405.000.000	-
Tổng	33.965.208.000	35.753.635.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		5.938.655.600	240.529	6.315.783.600
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	63.067	3.784.029.600	63.067	3.784.029.600
Công ty CP NTACO	14.112	376.320.000	14.112	376.320.000
Công ty CP Tài nguyên	110.850	1.356.268.000	110.850	1.356.268.000
Công ty CP Bóng đèn Điện Quang	-	-	15.000	277.831.000
Công ty CP Thép Việt Ý	5.000	99.297.000	10.000	198.594.000
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải	20.000	247.741.000	20.000	247.741.000
Công ty CP Sara Việt Nam	7.500	75.000.000	7.500	75.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		3.047.000.000		-
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam		2.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Sarawindow		1.047.000.000		-
Cộng đầu tư ngắn hạn		8.985.655.600		6.315.783.600
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn		(5.107.881.000)		(5.041.375.400)
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		3.304.720.400		3.254.266.800
Công ty CP NTACO		317.049.600		317.049.600
Công ty CP Tài nguyên		1.167.823.000		1.079.143.000
Công ty CP Bóng đèn Điện Quang		-		1.831.000
Công ty CP Thép Việt Ý		37.297.000		115.594.000
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải		221.741.000		221.741.000
Công ty CP Sara Việt Nam		59.250.000		51.750.000
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.877.774.600		1.274.408.200

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	1.319.280.000	1.319.280.000
Ông Phan Thế Hải	2.736.000.000	2.736.000.000
Ông Bùi Trọng Phú	500.000.000	500.000.000
Ông Trần Tố	1.200.000.000	-
Bà Nguyễn Việt Hà	524.144.900	-
Các khoản phải thu khác	1.903.098.263	666.236.570
Cộng	8.182.523.163	5.221.516.570

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án Hải Dương	1.800.000	1.800.000
Dự án Hà Nam	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên	252.781.000	252.781.000
Cộng	1.993.970.448	1.993.970.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2013	4.084.437.818	254.168.828	4.338.606.646
Mua trong kỳ	76.000.000	-	76.000.000
Giảm khác	-	(215.496.104)	(215.496.104)
Tại 30/06/2013	4.160.437.818	38.672.724	4.199.110.542
KHẤU HAO			
Tại 01/01/2013	345.205.906	222.982.006	568.187.912
Khấu hao trong kỳ	211.742.880	31.186.822	242.929.702
Giảm khác	-	(215.496.104)	(215.496.104)
Tại 30/06/2013	556.948.786	38.672.724	595.621.510
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2013	3.739.231.912	31.186.822	3.770.418.734
Tại 30/06/2013	3.603.489.032	-	3.603.489.032

6. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	270.000	5.265.000.000	270.000	5.265.000.000
Cộng	270.000	5.265.000.000	270.000	5.265.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	Hà Nội	90,0%	90,0%	Thi công, thiết kế công trình; Cung cấp dịch vụ tư vấn, quảng cáo và quản lý bất động sản; Dịch vụ đại lý mua, bán, ký gửi hàng hàng; ủy thác xuất nhập khẩu;...

7. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Góp vốn đầu tư dự án Đền Lừ	500.000.000	500.000.000
Góp vốn đầu tư dự án Mê Linh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Tài nguyên vay vốn	12.600.000.000	12.600.000.000
Cộng	14.100.000.000	14.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	(729.277.259)	(729.277.259)
Cộng	(729.277.259)	(729.277.259)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	33.190.641	18.377.750
Cộng	33.190.641	18.377.750

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	18.834.245	3.131.723
Cổ tức phải trả	496.609.400	2.092.009.400
Phải trả khác	100.000.000	-
Cộng	615.443.645	2.095.141.123

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT NAMNET

Tầng 4, tòa nhà Kinh Đô, số 292 Tây Sơn, phường Trung Liet
 Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ
 01/01/2013 đến 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	57.266.980.000	8.951.500.000	-	388.656.419	2.241.153.045	68.848.289.464
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	40.008.914	40.008.914
Phân phối quỹ	-	-	336.000.000	100.000.000	(523.143.645)	(87.143.645)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(1.718.009.400)	(1.718.009.400)
Số dư tại 31/12/2012	57.266.980.000	8.951.500.000	336.000.000	488.656.419	40.008.914	67.083.145.333
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	(550.606.406)	(550.606.406)
Phân phối quỹ (*)	-	-	40.008.914	-	(40.008.914)	-
Số dư tại 30/06/2013	57.266.980.000	8.951.500.000	376.008.914	488.656.419	(550.606.406)	66.532.538.927

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2013.

b. Cổ phiếu

	30/06/2013 Cổ phần	01/01/2013 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.726.698	5.726.698
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.726.698	5.726.698
Cổ phần phổ thông	5.726.698	5.726.698
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.726.698	5.726.698
Cổ phần phổ thông	5.726.698	5.726.698

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Báo cáo bộ phận

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không phát sinh hoạt động kinh doanh chính. Lợi nhuận kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là lợi nhuận từ hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư và hoạt động khác. Đồng thời, hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư và hoạt động khác chỉ diễn ra tại Hà Nội. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho kỳ hoạt động này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.587.452.155	2.487.000.716
Cổ tức được chia	37.073.450	-
Doanh thu tài chính khác	65.999.558	-
Cộng	1.690.525.163	2.487.000.716

2. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí lãi vay	6.187.500	-
Chi phí tài chính khác	21.191.338	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	66.505.600	-
Cộng	93.884.438	-

3. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu nhập khác	60.000.000	69.967.781
Cộng	60.000.000	69.967.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(550.606.406)	825.466.578
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	37.073.450	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	72.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	(515.679.856)	825.466.578
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	-	206.366.645
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	206.366.645

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.643.071	173.945.076
Chi phí nhân công	711.501.301	622.272.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.306.098	48.993.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.592.548	702.485.528
Chi phí bằng tiền khác	163.697.441	183.804.686
Cộng	1.311.740.459	1.731.501.919

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	34.709.148.439	37.892.701.727
Phải thu khách hàng và phải thu khác	568.449.263	1.865.516.570
Đầu tư ngắn hạn	3.877.774.600	1.274.408.200
Đầu tư dài hạn	13.370.722.741	13.370.722.741
Cộng	52.526.095.043	54.403.349.238
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	615.443.645	2.395.141.123
Cộng	615.443.645	2.395.141.123

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Tại 30/06/2013	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	615.443.645	-	615.443.645
Cộng	615.443.645	-	615.443.645
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Tại 01/01/2013	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	2.395.141.123	-	2.395.141.123
Cộng	2.395.141.123	-	2.395.141.123

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Tại 30/06/2013	VND	VND	VND
Tiền	34.709.148.439	-	34.709.148.439
Phải thu khách hàng và phải thu khác	568.449.263	-	568.449.263
Đầu tư ngắn hạn	3.877.774.600	-	3.877.774.600
Đầu tư dài hạn	-	13.370.722.741	13.370.722.741
Cộng	39.155.372.302	13.370.722.741	52.526.095.043
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Tại 01/01/2013	VND	VND	VND
Tiền	37.892.701.727	-	37.892.701.727
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.865.516.570	-	1.865.516.570
Đầu tư ngắn hạn	1.274.408.200	-	1.274.408.200
Đầu tư dài hạn	-	13.370.722.741	13.370.722.741
Cộng	41.032.626.497	13.370.722.741	54.403.349.238

2. Thông tin về các bên liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
	VND	VND
Thù lao hội đồng quản trị	186.000.000	105.750.000
Cộng	186.000.000	105.750.000

Số dư với bên liên quan như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	1.319.280.000	1.319.280.000
Cộng	1.319.280.000	1.319.280.000
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trả trước cho người bán	700.000.000	-
Ông Trần Khắc Hùng	700.000.000	-
Tạm ứng	568.797.820	584.718.500
Ông Trần Khắc Hùng	18.797.820	34.718.500
Ông Lê Huy Phan	550.000.000	550.000.000
Cộng	1.268.797.820	584.718.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2013 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu chưa được soát xét.





Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng



Đinh Thị Thùy Minh
Người lập